

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình.

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 17/2022/QĐ-TĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số A, đường số B, thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Quang M, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số A, đường số B, thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phạm Quang M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, ngày 30/9/2008, đăng ký kết hôn số 70, quyển số 1/2008. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình

không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông M còn đánh đập bà. Bà xác định không còn tình cảm với ông M, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn ông M. Bà đang làm công nhân, thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phạm Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 27/12/2009 và Phạm Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/10/2018. Hiện các cháu đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1 và giao cho ông M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về giấy đăng ký kết hôn ghi tên chồng là Phạm Văn M là do sai sót chữ đệm, bởi theo giấy chứng minh nhân dân số XXXXXXXXXX, các giấy khai sinh của các con và xác nhận thông tin về cư trú thì ông M tên là Phạm Quang M.

* Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Quang M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về quá trình tìm hiểu, kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phạm Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 27/12/2009 và Phạm Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/10/2018. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V1 và cháu H1, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Quang M tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, ngày 30/9/2008, đăng ký kết hôn số 70, quyển số 1/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Mặc dù, giấy đăng ký kết hôn số 70, quyển số 1/2008 ghi tên chồng là Phạm Văn M nhưng căn cứ theo giấy chứng minh nhân dân số XXXXXXXXXX trong giấy đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu, các giấy khai sinh của các con và xác nhận thông tin về cư trú thì xác định tên chồng trong giấy đăng ký kết hôn là ông Phạm Quang M.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặt khác, ông M cũng đồng ý ly hôn với bà H. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy xử cho bà H ly hôn ông M là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phạm Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 27/12/2009 và Phạm Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/10/2018. Thấy rằng, ông bà đã tự nguyện thống nhất với nhau về việc giao cháu V1 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận trên phù hợp với nguyện vọng của cháu V1 nên cần chấp nhận. Đối với cháu Phạm Nguyễn Trung H1, thấy rằng cháu H1 còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, mặt khác bà H có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, vì vậy xét giao cháu H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Phạm Quang M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Phạm Nguyễn Trung H1, sinh ngày 09/10/2018. Ông Phạm Quang M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con Phạm Nguyễn Thảo V1, sinh ngày 27/12/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009134 ngày 14 tháng 02 năm 2022. Bà H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9*

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa